

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/KDTM-ST

Ngày 14 - 12 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê
tài chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Bà Nguyễn Thị Hạnh, Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S; trụ sở: Tầng 28, Cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 Tôn Đức T, phường N, Quận S, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Hoàng T; địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 Tôn Đức T, phường N, Quận S, Thành phố M. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH D; trụ sở: Số 11/1 Đường 30 tháng 4, khu phố T, phường T, thành phố A, tỉnh D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh T, chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Minh T, sinh năm 1989; thường trú: Thôn 1B, xã E, huyện K, tỉnh L; địa chỉ liên hệ: Số 11/1 Đường 30 tháng 4, khu phố T, phường T, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S (Công ty C) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty TNHH D (Công ty D) là khách hàng thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S.

Do Công ty D có nhu cầu sử dụng phương tiện máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nên hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B190609002 ký ngày 07/6/2019 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà Công ty D có nhu cầu thuê tài chính là: Một (01) máy trung tâm gia công phay đứng, hãng sản xuất Doosan Machine Tools, kiểu: DNM4500 (sau đây gọi tắt là “Tài sản thuê”).

Cùng ngày 07/6/2019, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty D theo Hợp đồng thuê, Công ty C chấp nhận thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân Ông Trần Minh T. Theo đó, trường hợp Công ty D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, Ông Trần Minh T cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty D.

Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán vào ngày 23/7/2019 để mua tài sản nêu trên từ Công ty TNHH Cybertech Việt Nam, giá trị của tài sản là 1.662.306.580 đồng. Đồng thời, do Công ty D đề nghị, Công ty C đã thực hiện tài trợ thêm đối với chi phí mua bảo hiểm có kỳ hạn 42 tháng cho tài sản thuê nêu trên với giá trị là 5.818.073 đồng. Vì vậy, tổng giá trị của tài sản thuê (đã bao gồm chi phí bảo hiểm) là 1.668.124.653. Trong đó, Công ty D trả trước 417.031.163 đồng và Công ty C tài trợ một phần vốn tương ứng là 1.251.093.490 đồng (Giá trị thuê).

Ngày 25/7/2019, Hợp đồng thuê được cấp giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng. Ngày 29/7/2019, Công ty D đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 42 tháng, kể từ ngày 30/7/2019 đến ngày 05/02/2023. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S cộng với biên độ 3.77%/năm. Theo đó, mức lãi suất thuê tạm tính trước ngày bắt đầu thuê và tại ngày bắt đầu thuê là 11.04%.

Hàng tháng, Công ty D phải thanh toán tiền thuê bao gồm một phần Vốn gốc

và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc. Trước khi Công ty D trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, đối với Tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và **Điều 26** của Hợp đồng thuê, nếu Công ty D vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty D bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty D đã thanh toán không đúng hạn ngay từ những kỳ thuê đầu tiên, dù cho Công ty C đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu thanh toán theo đúng lịch trình thuê đã thỏa thuận.

Qua nhiều lần cố gắng liên hệ, Công ty C đã có buổi làm việc trực tiếp với đại diện Công ty D lần lượt vào các ngày 13/02/2020 và 14/4/2020. Tại đây, Công ty D đã xác nhận các khoản nợ quá hạn hiện có và đưa ra các cam kết thanh toán như sau:

- Ngày 13/02/2020: Cam kết thanh toán hết khoản nợ quá hạn chậm nhất vào ngày 25/02/2020.
- Ngày 14/4/2020: Cam kết thanh toán tối thiểu 2 kỳ tiền thuê ngày 25/4/2020, sau đó sẽ thanh toán tối thiểu một (01) kỳ tiền thuê vào ngày 25 hàng tháng.

Tuy nhiên, dù đã được tạo điều kiện hỗ trợ nhưng Công ty D vẫn vi phạm các cam kết thanh toán nêu trên với Công ty C. Kể từ lần thanh toán gần nhất vào ngày 04/5/2020, Công ty D chỉ thanh toán được 8 kỳ (trên tổng số 42 kỳ thuê theo Hợp đồng thuê) cho Công ty C.

Ngày 17/07/2020, do Công ty D vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, theo đó yêu cầu Công ty D thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 20/07/2020 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 1.232.422.502 đồng.

Tuy nhiên kể từ khi bị chấm dứt Hợp đồng thuê cho đến nay, Công ty D vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền thuê còn nợ nào, không đồng ý giao trả tài sản thuê để Công ty chúng tôi xử lý, thu hồi nợ.

Ngày 01/12/2020, Công ty C tiếp tục phát hành thư yêu cầu người bảo lãnh là Ông Trần Minh T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê theo nội dung thư bảo lãnh đã ký. Tuy nhiên cho đến nay, Ông Trần Minh T cũng không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty D như đã cam kết.

Vì vậy, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty TNHH D thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S số tiền tính đến ngày 14/12/2021 là 1.366.250.730 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.021.726.352 đồng, lãi trong hạn là 210.696.150 đồng, lãi quá hạn là 133.828.228 đồng.

Buộc Công ty TNHH D thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 15/12/2021 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty TNHH D không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ nêu trên, buộc Công ty TNHH D giao trả tài sản thuê cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S để thanh lý, thu hồi nợ. Cụ thể: Một (01) máy gia công trung tâm phay đứng, hiệu: Doosan Machine Tools, Model: DNM4500, số Serial: MV0090-001988, năm sản xuất 2019, xuất xứ: South Korea. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê trên không đủ bù đắp các khoản nợ thì buộc Công ty TNHH D thanh toán tiếp cho đến khi dứt các khoản nợ trên.

Trường hợp Công ty TNHH D không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc người bảo lãnh là Ông Trần Minh T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trần Minh T:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho các bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 335, 338, 339 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S và Công ty TNHH D là quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính được quy định tại Điều 269 Luật thương mại. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại; bị đơn có trụ sở tại Thành phố Dĩ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung:

Căn cứ hợp đồng cho thuê tài chính số B190609002 ký ngày 07/6/2019, lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bị đơn đã thuê tài sản của nguyên đơn và hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền thuê đến ngày 14/12/2021 là 1.366.250.730 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.021.726.352 đồng, lãi trong hạn là 210.696.150 đồng, lãi quá hạn là 133.828.228 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ, cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện trả nợ cho bị đơn. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật với số tiền thuê còn nợ nói trên là có căn cứ. Công ty TNHH D còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 15/12/2021 tính trên nợ gốc còn lại với mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là phù hợp quy

định tại Điều 269, Điều 270, Điều 271 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 91, Điều 112, Điều 113 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S yêu cầu Công ty TNHH D giao trả tài sản thuê cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S để thanh lý, thu hồi nợ trong trường hợp Công ty TNHH D không thanh toán đầy đủ số tiền thuê nêu trên. Nếu sau khi thanh lý tài sản thuê mà Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S vẫn chưa thu đủ nợ thì Công ty TNHH D có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả xong các khoản nợ. Căn cứ Khoản 26.2 Điều 26 và Khoản 26.3 Điều 26 của hợp đồng cho thuê tài chính giữa các bên và Khoản 8, khoản 9 Điều 17 Nghị Định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S.

Về biện pháp bảo đảm: Đối với hợp đồng cho thuê tài chính số B190609002 ký ngày 07/6/2019 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/7/2019 và có thư bảo lãnh cá nhân ngày 07/6/2019 của Ông Trần Minh T đã ký.

Xét tài sản thuê đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 292, 293, 298, 329 Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời các bên đã ký kết thư bảo lãnh trên cơ sở tự nguyện, được lập thành văn bản là đúng quy định của pháp luật tại Điều 335, 336, 338 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở pháp lý. Do đó Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S yêu cầu trường hợp Công ty TNHH D không có khả năng thanh toán đầy đủ khoản nợ trên thì Ông Trần Minh T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S số tiền còn nợ theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là có căn cứ.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Chi phí tố tụng khác là 3.900.000 đồng, nguyên đơn đã tạm ứng. Bị đơn phải chịu và có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 335, 336, 339 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính với bị đơn Công ty TNHH D.

- Buộc Công ty TNHH D thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S số tiền tính đến ngày 14/12/2021 là 1.366.250.730 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.021.726.352 đồng, lãi trong hạn là 210.696.150 đồng, lãi quá hạn là 133.828.228 đồng.

Kể từ ngày 15/12/2021, Công ty TNHH D tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số B190609002 ký ngày 07/6/2019 đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH D không thanh toán đủ số tiền nêu trên thì Công ty TNHH D có nghĩa vụ giao trả tài sản thuê là: Một (01) máy gia công trung tâm phay đứng, hiệu: Doosan Machine Tools, Model: DNM4500, số Serial: MV0090-001988, năm sản xuất 2019, xuất xứ: South Korea. Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản thuê không đủ thanh toán số nợ trên thì Công ty TNHH D tiếp tục thanh toán đủ số tiền còn nợ.

Trường hợp Công ty TNHH D không thanh toán đủ số tiền nêu trên cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S thì Ông Trần Minh T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S theo thư bảo lãnh cá nhân ngày 07/6/2019.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH D phải chịu số tiền án phí là 52.987.521 đồng.

Trả lại cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.925.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049276 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí tố tụng khác: Công ty TNHH D phải chịu 3.900.000 đồng đồng và có trách nhiệm trả lại cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV S.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Nam